

Quy trình học và rèn luyện kỹ năng phát âm vị tiếng trong tiếng Anh

Nguyễn Thị Toàn*

*Giảng viên Trung tâm ngoại ngữ - Tin Học
Trường Đại Học Công Nghiệp Việt Hưng

Received: 18/02/2024; Accepted: 25/02/2024; Published: 7/3/2024

Abstract: Phonemes in English are an important factor in understanding pronunciation, vocabulary structure, word origins and grammar of English. It affects the rules and arrangement of English grammar, and requires learners to pay attention to the rules and pronunciation of each phoneme in English to master English. Mastering the phonemes in English will help us communicate confidently and effectively.

Keywords: Phonemes, communication, English, problems.

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc sống con người luôn luôn phải giao tiếp với nhau. Sự giao tiếp diễn ra bằng nhiều hình thức: ngôn ngữ, điệu bộ cử chỉ, hội họa, âm nhạc... Trong các hình thức trên, hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ là quan trọng nhất. Để hiểu nhau, con người luôn phải nắm bắt một cái gì đó trong giao tiếp. Cái gì đó chính là đối tượng nghiên cứu của ngữ âm học và âm vị học.

Âm vị trong tiếng Anh là một khái niệm về tương quan âm thanh của các nguyên âm và phụ âm trong ngôn ngữ. Các âm vị bao gồm các thành phần như thanh điệu, âm tách, ngã giọng, âm đẩu, âm nhỏ, âm moi, biến đổi âm và cách phát âm. Từng âm vị trong tiếng Anh có thể có những quy tắc và cách phát âm khác nhau, và chúng ảnh hưởng đến cách sắp xếp và kết hợp các từ và ngữ pháp trong câu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm Âm vị

Âm vị được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Theo cuốn “Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại”, âm vị là đơn vị nhỏ nhất của ngữ âm có mang chức năng phân biệt nghĩa và nhận diện từ. Theo cuốn “Ngữ âm tiếng Việt” thì âm vị là tổng thể các nét khu biệt, được xuất hiện đồng thời (được con người tri giác theo trật tự trước sau) và có chức năng khu biệt vô âm thanh của từ hoặc hình vị. Như vậy ta có thể hình dung âm vị có thể định nghĩa như một đơn vị âm vị học: có tác dụng khu biệt, không thể phân tích thành những đơn vị nhỏ hơn kế tiếp nhau trong thời gian; hoặc được định nghĩa như một tập hợp những nét khu biệt được thực hiện đồng thời. Số lượng các âm vị trong các ngôn ngữ có thể giống nhau hoặc khác nhau. Ví dụ: Tiếng Việt không có âm vị [ð],

tiếng Anh không có âm vị [ã]. Một âm vị như /p/ có thể được phát âm như /p/ trong từ “pen”. Tuy nhiên, khi ở cuối từ, như trong từ “stop”, nó thường được phát âm là /p/. Âm vị này ảnh hưởng đến quy tắc của ngôn ngữ điếm cuối từ (consonant final word rule), khi cần phải thay đổi nguyên âm trước khi thêm hậu tố. Cũng có những trường hợp khi âm vị được thay đổi để phù hợp với tiếng nói liên tục, ví dụ như khi từ kết thúc bằng phụ âm và từ tiếp theo bắt đầu bằng nguyên âm, như trong cụm từ “an apple”. Trong trường hợp này, âm /n/ chủ yếu được phát âm là /ŋ/ để dễ dàng chuyển từ âm /n/ sang âm /æ/ mà không gặp khó khăn trong quá trình phát âm liên tục.

Âm vị trong tiếng Anh được tạo nên từ sự kết hợp của ngữ âm học, hình thái học, nguyên tố ngôn ngữ và ngữ pháp. Các yếu tố này tương đồng nhau để tạo nên các âm thanh và nghĩa của từ trong ngôn ngữ.

Tính tương đồng, nhất quán đó, tạo nên những đặc điểm mang tính riêng biệt của âm vị được cấu tạo nên từ các yếu tố sau:

Thứ nhất, Phonemics (Ngữ âm học): Âm vị trong tiếng Anh phụ thuộc vào các âm thanh cố định và phân biệt ý nghĩa của từ. Ngữ âm học nghiên cứu về cách các âm thanh này được sắp xếp và sử dụng trong ngôn ngữ. Ví dụ, trong tiếng Anh, có hơn 40 âm tiết thành phần, ví dụ như /p/, /t/, /k/, /i:/, /a:/.

Thứ hai, Morphology (Hình thái học): Âm vị cũng phụ thuộc vào hình thái của từ. Nhưng cách các âm được kết hợp lại để tạo ra từ điển và ngữ pháp của tiếng Anh. Ví dụ, các tiền tố (prefix) và hậu tố (suffix) có thể thay đổi âm vị trong từ. Ví dụ, “un-” trong “unhappy” thay đổi âm /ʌn/ thành /ʌn/.

Thứ ba, Etymology (Nguyên tố ngôn ngữ): Âm vị thường phụ thuộc vào nguồn gốc và lịch sử của từ.

Nguyên tố ngôn ngữ này tìm hiểu về nguồn gốc của từ và cách chúng đã thay đổi qua thời gian. Ví dụ, từ "telephone" trong tiếng Anh được hình thành từ tiếng Pháp "téléphone" và phụ thuộc vào lịch sử và nguồn gốc của từ đó.

Thứ tư, Grammar (Ngữ pháp): Âm vị phụ thuộc vào ngữ pháp của tiếng Anh, bao gồm cách các từ và câu được xây dựng và sắp xếp. Ví dụ, phụ âm cuối cùng trong một từ có thể thay đổi âm vị nếu từ đó được sử dụng trong một câu nối tiếp với một từ có âm vị khác. Ví dụ, trong cặp từ "a cat" và "an egg", phụ âm /k/ thay đổi thành /g/ trong "an" vì phụ âm đầu tiên của "egg" là /e/.

Bên cạnh đó, sự không nhất quán trong âm vị trong tiếng Anh là một kết quả tự nhiên của quá trình phát triển ngôn ngữ và tương tác với các yếu tố khác nhau, có thể liệt kê một số nguyên nhân có thể kể đến như:

Một là, biến đổi âm: Một âm có thể thay đổi theo ngữ cảnh. Ví dụ, âm /aʊ/ trong từ "house" và "mouse" được phát âm khác nhau. Điều này tạo ra sự không nhất quán trong việc phát âm các âm tiết tương tự.

Hai là, nguồn gốc từ: Một từ tiếng Anh có thể có nhiều cách phát âm do nguồn gốc từ khác nhau. Ví dụ, từ "read" có thể phát âm là /ri:/d/ trong quá khứ và /red/ trong hiện tại. Điều này gây ra sự không nhất quán về âm vị của cùng một từ.

Ba là, không thống nhất về phụ âm và nguyên âm: Một số phụ âm và nguyên âm trong tiếng Anh không có sự thống nhất về cách phát âm. Ví dụ, âm /θ/ trong từ "three" và âm /ð/ trong từ "this" có sự không nhất quán về cách phát âm.

Bốn là, ảnh hưởng của ngôn ngữ khác: Tiếng Anh đã mượn nhiều từ từ các ngôn ngữ khác, và các từ này thường có sự không nhất quán về âm vị. Ví dụ, từ "karate" được mượn từ tiếng Nhật nhưng âm /r/ trong từ này được phát âm khác so với âm /r/ trong tiếng Anh.

Năm là, thay đổi ngôn ngữ: Tiếng Anh là một ngôn ngữ phát triển và thay đổi liên tục. Do đó, cách phát âm của nhiều từ và âm vị có thể thay đổi theo thời gian, gây ra sự không nhất quán trong việc phát âm.

Bên cạnh tính tương thích và không tương thích trong âm vị, còn có một số ảnh hưởng của âm vị đến ngữ pháp tiếng Anh:

Thứ nhất, liên kết âm - chữ: Âm vị trong tiếng Anh có thể cung cấp những thông tin quan trọng về cách chúng ta phát âm và viết từ. Một số từ trong

tiếng Anh có cách phát âm khác nhau dựa trên âm vị của chúng. Ví dụ, từ "read" có thể được phát âm là /ri:/d/ (đọc hiện tại) hoặc /red/ (đọc quá khứ), tùy thuộc vào ngữ cảnh và âm vị "ea" trong từ đó. Điều này ảnh hưởng đến cách chúng ta sử dụng từ này trong ngữ pháp.

Thứ hai, hình thành ngữ pháp: Âm vị trong tiếng Anh cũng ảnh hưởng đến cách hình thành ngữ pháp. Ví dụ, sự khác biệt về âm vị và giọng điệu có thể tạo ra sự khác biệt trong ngữ pháp. Ví dụ, ngữ cảnh âm vị /s/ và /z/ trong tiếng Anh có thể ảnh hưởng đến hình thành các thì và ngữ cảnh sử dụng của chúng. Thêm nữa, âm vị trong tiếng Anh cũng ảnh hưởng đến cách chúng ta sắp xếp từ (cú pháp) và cách chúng ta sử dụng ngữ pháp.

Thứ ba, sự biến đổi âm vị: Âm vị trong tiếng Anh cũng có thể thay đổi và biến đổi trong quá trình nói. Ví dụ, nếu một từ kết thúc bằng âm vị này, ta có thể chuyển nó thành âm vị khác khi từ đó đứng trước một âm vị khác trong câu. Điều này ảnh hưởng đến cách chúng ta xây dựng các động từ bất quy tắc, các hậu tố và các hình thái khác trong ngữ pháp.

2.2. Các bước thực hiện để học và rèn luyện kỹ năng phát âm âm vị trong tiếng Anh hiệu quả.

Bước thứ nhất, Tìm hiểu về âm vị và nguyên tắc phát âm: Đầu tiên, bạn nên hiểu về các loại âm vị trong tiếng Anh như nguyên âm, phụ âm, âm đơn, âm ghép và cách cấu tạo các từ thông qua âm vị. Bạn có thể tìm hiểu thông qua sách giáo trình hoặc nguồn tài liệu trực tuyến. Tiếng Anh có nhiều âm vị khác nhau, và mỗi âm vị được biểu thị bằng một ký hiệu phụ âm hoặc nguyên âm. Bắt đầu bằng việc tự học các âm vị thông qua bảng chữ cái tiếng Anh.

Bước thứ hai, Lắng nghe và nhắc lại: Một cách hiệu quả để rèn luyện kỹ năng phát âm là lắng nghe những người bản xứ nói tiếng Anh một cách cẩn thận. Cố gắng nhắc lại những cụm từ hoặc câu ngắn mà bạn nghe thấy để cải thiện phản xạ phát âm của mình. Một yếu tố quan trọng trong việc nắm bắt âm vị là luyện nghe. Nghe các nguồn tài liệu bằng tiếng Anh, như nhạc, phim, sách nói để làm quen với cách người bản xứ phát âm các âm vị.

Bước thứ ba, Sử dụng nguồn tài liệu học phát âm: Có nhiều sách giáo trình, ứng dụng di động hoặc các trang web học phát âm tiếng Anh có sẵn để bạn luyện tập phát âm. Hãy dành thời gian hàng ngày để luyện tập các âm vị khác nhau và các cấu trúc từ. Khi học cách đọc các từ tiếng Anh, hãy chú ý đến cách phát âm của mỗi từ. Lưu ý những ký hiệu âm vị trong

từ và cách nối các âm vị lại với nhau. Sử dụng từ điển hoặc công cụ tra cứu âm vị để xác định cách phát âm chính xác của mỗi từ. Để cải thiện kỹ năng phát âm, hãy thực hiện các bài tập và bài hát tiếng Anh để rèn luyện cơ họng và cách phát âm chính xác. Tham gia vào các khóa học hoặc lớp học phát âm tiếng Anh để có sự hướng dẫn từ người hướng dẫn chuyên nghiệp.

Bước thứ tư, Ghi âm và so sánh: Hãy sử dụng điện thoại hoặc máy ghi âm để ghi lại những bài giảng của mình và So sánh bản ghi âm của bạn với âm thanh chuẩn trên tài liệu tiếng Anh để nhận ra những lỗi phát âm của mình và cải thiện chúng. Điều này giúp bạn nhận biết được những sai sót và cải thiện ngay từ quá trình học.

Bước thứ năm, Tìm người hướng dẫn hoặc học chung: Hãy tham gia vào nhóm học hoặc tìm một người hướng dẫn giỏi về việc phát âm tiếng Anh. Họ có thể quan sát và chỉnh sửa lỗi phát âm của bạn, đồng thời cung cấp phản hồi và bài tập tương tự để bạn rèn luyện.

Bước thứ sáu, Luyện tập thường xuyên: Để phát âm tiếng Anh tốt, bạn cần thực hành thường xuyên.

Hãy tạo thói quen luyện tập phát âm, nghe và nhắc lại mỗi ngày để cải thiện khả năng của mình. Có nhiều ứng dụng di động và trang web học tiếng Anh có tính năng luyện phát âm. Tận dụng các ứng dụng này để luyện tập và kiểm tra kỹ năng phát âm của bạn.

3. Kết luận

Nhớ rằng, việc học phát âm âm vị là một quá trình liên tục và đòi hỏi sự kiên nhẫn và và không ngại khám phá, thực hành để cải thiện kỹ năng phát âm của mình. Với sự cố gắng, bạn sẽ cải thiện và trở nên thành thạo hơn trong phát âm tiếng Anh. Từ đó, chúng ta tránh được những trường hợp mắc lỗi khi sử dụng từ, phát âm từ, phục vụ cho công việc dịch thuật hay cơ bản nhất chính là phục vụ cho mục đích giao tiếp của con người.

Tài liệu tham khảo

1. GS. Lê Quang Thiêm, (2004) *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Đoàn Thiện Thuật, (1977) *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
3. Nhóm tác giả Cù Đình Tú, (1972) *Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Giáo dục.

Hiệu quả của sử dụng hình thức kể chuyện... (tiếp theo trang 47)

▪ The repetition drill: hình luyện nghe lặp lại từ và cụm từ giúp người học ghi nhớ từ mới và làm quen với dạng từ mới.

▪ Spelling: chính tả giúp người học có thể ghi nhớ cách viết từ mới.

Ngoài việc giáo viên giảng dạy ngôn ngữ chọn lọc, sáng tạo các câu chuyện, giáo viên có thể tạo cơ hội cho người học tự chuẩn bị những câu chuyện mang tính tự sự, kể lại kỷ niệm của bản thân hoặc về một trải nghiệm nào đó có ý nghĩa lớn lao trong giờ hoạt động khởi động trên lớp. Điều này giúp thay đổi cách thức và không khí lớp học ngôn ngữ cũng như sự tiếp thu từ vựng của ngôn ngữ càng thêm hiệu quả và mang tính mới hơn. Khi người cùng lớp học trình bày, kể câu chuyện sẽ tạo cảm giác mới và thu hút lớp học hơn. Ngoài ra khi người học tự chuẩn bị câu chuyện họ có rất nhiều cơ hội để học từ mới và ôn kiến thức vựng đã học. Và giai đoạn tiến hành kể chuyện sẽ mang tính sôi nổi hơn khi câu chuyện được thảo luận nhanh thông qua người học. Theo một số liệu thống kê của trường đại học Stanford, cùng một bài thuyết trình nhưng khi được trình bày dưới dạng sự kiện và số liệu thì chỉ có 5% số người lắng nghe nhớ về nó. Trong khi đó, có tới 63% nhớ đến nó khi được tiếp

cận bằng hình thức kể chuyện. (<https://www.gosell.vn/blog/storytelling-la-gi/>). Tất cả những điều trên cho thấy rằng hình thức kể chuyện sẽ mang đến tính mới, thú vị, hiệu quả khi học từ vựng trong giờ hoạt động khởi động giảng dạy tiếng Anh.

3. Kết luận

Hình thức kể chuyện đã được minh chứng rất hữu ích và hiệu quả để truyền tải thông điệp trong quá trình học tiếng Anh nói chung, và có thể giúp người học ghi nhớ và nâng cao kiến thức từ vựng nói riêng vì tính đặc trưng của những câu chuyện là giải trí, vui nhộn, cảm xúc. Kiến thức từ vựng luôn là phần trọng tâm trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ, vì vậy giáo viên cần được khuyến khích sử dụng kỹ thuật kể chuyện thường xuyên hơn trong giờ hoạt động khởi động tại lớp học để giúp người học ngôn ngữ dễ dàng tiếp thu và làm giàu vốn từ vựng của họ.

Tài liệu tham khảo

1. Dimitrova, B. L. (2016). Story as a learning text in foreign language education in primary school. *Trakia Journal of Science*, 3, 207-216.
2. Isbell, R. (2002). Telling and Retelling Stories Learning: Language and Literacy. *Supporting Language Learning*. Vol. 57(2).26-30. <https://eric>.